

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày 20-5-2019
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;
2. Ông Nguyễn Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2018/TLST-DS ngày 04-12-2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-DS ngày 01-4-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quốc D, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng S – Chi nhánh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền số 81/2019/GUQ-QNI ngày 17-5-2019); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976;

Ông Nguyễn Hữu I, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 20, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Minh H, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ 20, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01-10-2018, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 26-11-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06-02-2015, Ngân hàng S cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu I vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 01/LD1503400097, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên, mục đích để hoàn tiền xây dựng nhà ở lãi suất cho vay điều chỉnh trong từng thời kỳ, lãi suất vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ đầu tiên; nợ gốc và lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần.

Ngày 01-07-2017, Ngân hàng S cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I vay số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 03/LD1503400097, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên, mục đích để mua sắm nội thất và vật dụng gia đình, lãi suất cho vay điều chỉnh trong từng thời kỳ, lãi suất vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ đầu tiên; nợ gốc và lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 1630, tờ bản đồ số 5, phường Q, thành phố Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 209564, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01374 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22-12-2006. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng T công chứng ngày 06/02/2015, số công chứng 428, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06-02-2015 tại Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M, ông I đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S nên toàn bộ nợ vay của bà M và ông I đã chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà M, ông I trả thêm cho Ngân hàng S một số nợ.

Tính đến ngày 20-5-2019, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu I còn nợ Ngân hàng S số tiền 293.267.131 đồng, trong đó nợ gốc là 285.304.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.692.712 đồng, nợ lãi quá hạn là 270.419 đồng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M, ông I trả cho Ngân hàng S số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21-5-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà M, ông I không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 1630, tờ bản đồ số 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng S. Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ yêu cầu bà M, ông I tiếp tục trả nợ theo các hợp đồng cho vay cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng S.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị M và Nguyễn Hữu I đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Tại biên bản làm việc ngày 30-01-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Minh H trình bày:*

Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I; hiện nay chị và bà M, ông I đang sinh sống tại nhà đất tại thửa đất số 1630, tờ bản đồ số 5, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nhà đất nêu trên là tài sản của bà M, ông I; chị không có đóng góp tiền bạc, công sức trong việc tạo lập, duy trì nhà đất. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị vì điều kiện học tập nên chị không đến Tòa án được.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà M, ông I có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền tính tới ngày 20-5-2019 là 293.267.131 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 21-5-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ. Trường hợp bà M, ông I không trả nợ thì tuyên xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng S. Án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I vắng mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Minh H có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng trong thời hạn luật định không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Theo các hợp đồng tín dụng số 01/LD1503400097 ngày 06-02-2015 và số 03/LD1503400097 ngày 01-7-2017 thể hiện bà M và ông I có vay của Ngân hàng S số tiền 410.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà M, ông I thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 1630, tờ bản đồ số 5, phường Q, thành phố Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 209564, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01374 UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22-12-2006. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do Ngân hàng S cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn bà M, ông I vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S nên toàn bộ nợ vay của bà M và ông I đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, việc Ngân hàng S khởi kiện bà M và ông I là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu I có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 20-5-2019 là 293.267.131 đồng, trong đó nợ gốc là 285.304.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.692.712 đồng, nợ lãi quá hạn là 270.419 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 21-5-2019 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng 01/LD1503400097 ngày 06-02-2015 và số 03/LD1503400097 ngày 01-7-2017 đến khi thanh toán xong các khoản vay.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu I không trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng S.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng S đã tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng S.

[2.7] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu I phải chịu 14.663.356 đồng (5% của số tiền 293.267.131 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng S

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 20-5-2019 là 293.267.131 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 285.304.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 7.692.712 đồng (bảy triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm mười hai đồng), nợ lãi quá hạn là 270.419 đồng (hai trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm mười chín đồng) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh trên dư nợ từ ngày 21-5-2019 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 01/LD1503400097 ngày 06-02-2015 và số 03/LD1503400097 ngày 01-7-2017 đến khi thanh toán xong các khoản vay.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 1630, tờ bản đồ số 5, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

3. Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Ngân hàng S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu I phải chịu 14.663.356 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí 7.983.752 đồng (bảy triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng) theo biên

lai thu số AA/2018/0000149 ngày 29-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh